

ĐIỂM BÀI THU HOẠCH

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 8 (Thành phố)

Phần A.V,VI. Nội dung cơ bản của CNXHKKH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Đoàn Thị Vân Anh	6,25	Sáu phẩy hai năm	41	Nông Thị Huyền My	8,00	Tám
2	Hoàng Thị Chao	8,25	Tám phẩy hai năm	42	Nguyễn Thị Huyền My	7,25	Bảy phẩy hai năm
3	Lôi Thị Chao	6,75	Sáu phẩy bảy năm	43	Lý Thị Mùi	7,25	Bảy phẩy hai năm
4	Trần Huệ Chi	6,25	Sáu phẩy hai năm	44	Lục Thị Bích Ngọc	7,50	Bảy phẩy năm
5	Đàm Quang Chiến	6,25	Sáu phẩy hai năm	45	Nông Thị Ngâm	7,50	Bảy phẩy năm
6	Hoàng Ngọc Diệp	6,25	Sáu phẩy hai năm	46	Dương Thị Nghiệp	6,50	Sáu phẩy năm
7	Đàm Đức Dũng	5,50	Năm phẩy năm	47	Nguyễn Thị Nhã	6,50	Sáu phẩy năm
8	Phạm Ngọc Diệp	7,50	Bảy phẩy năm	48	Nguyễn Tuyết Nhung	8,00	Tám
9	Nguyễn Minh Đoàn	6,25	Sáu phẩy hai năm	49	Ma Thị Oanh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
10	Lã Thị Giang	6,25	Sáu phẩy hai năm	50	Lý Thị Phúc	6,25	Sáu phẩy hai năm
11	Đinh Văn Giáp	6,25	Sáu phẩy hai năm	51	Ngô Thị Phượng	8,00	Tám
12	Nông Thị Ngân Hà	7,75	Bảy phẩy bảy năm	52	Hoàng Hải Quý	7,25	Bảy phẩy hai năm
13	Hoàng Thị Thanh Hà	6,25	Sáu phẩy hai năm	53	Phùng Thị Quỳnh	7,00	Bảy
14	Nông Thị Thúy Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	54	Nông Công Sỹ	6,50	Sáu phẩy năm
15	Nông Thị Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	55	Phạm Thị Tài	7,75	Bảy phẩy bảy năm
16	Vũ Thị Hằng	7,25	Bảy phẩy hai năm	56	Chu Văn Tinh	6,25	Sáu phẩy hai năm
17	Đỗ Thị Hằng	6,75	Sáu phẩy bảy năm	57	Lục Toàn Thắng	7,00	Bảy
18	Lâm Thị Hiền	8,00	Tám	58	Nông Quốc Thắng	8,00	Tám
19	Hoàng Thị Thu Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	59	Nguyễn Thị Thuận	8,25	Tám phẩy hai năm
20	Lục Minh Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	60	Lục Xuân Trường	7,00	Bảy
21	Nguyễn Thị Thanh Hoa	8,00	Tám	61	Phạm Thị Minh Thoa	6,75	Sáu phẩy bảy năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
22	Hoàng Thị Hoan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	62	Mã Thị Thu	7,00	Bảy
23	Nông Thị Hồng	8,00	Tám	63	La Thị Minh Thứ	7,50	Bảy phẩy năm
24	Vũ Thị Hồng	6,75	Sáu phẩy bảy năm	64	Lại Thị Minh Thúy	7,50	Bảy phẩy năm
25	Đông Thanh Huệ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	65	Nông Bích Thủy	8,00	Tám
26	Ngân Thị Hương	6,75	Sáu phẩy bảy năm	66	Bé Thị Thanh Thủy	6,50	Sáu phẩy năm
27	Vũ Thị Lan Hương	6,00	Sáu	67	Lăng Thị Thủy	6,50	Sáu phẩy năm
28	Phạm Thị Lan Hương	6,50	Sáu phẩy năm	68	Nguyễn Thị Thu Trang	7,50	Bảy phẩy năm
29	Nông Thu Hương	6,50	Sáu phẩy năm	69	Phan Thị Thu Trang	7,50	Bảy phẩy năm
30	Lý Ánh Hường	7,50	Bảy phẩy năm	70	Lương Quang Tuấn	7,75	Bảy phẩy bảy năm
31	Lục Đức Khánh	8,00	Tám	71	Nguyễn Thị Tuyền	6,50	Sáu phẩy năm
32	Lục Thị Kiều	7,00	Bảy	72	Nông Thị Tuyết	8,00	Tám
33	Lục Thị Phương Lan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	73	Bé Xuân Vinh	7,25	Bảy phẩy hai năm
34	Nông Thị Diệu Linh	8,00	Tám	74	Hoàng Trường Vương	6,25	Sáu phẩy hai năm
35	Phan Khánh Linh	7,50	Bảy phẩy năm	75	Hoàng Thị Kiều Xuân	6,25	Sáu phẩy hai năm
36	Phan Thị Liên	6,25	Sáu phẩy hai năm	76	Nguyễn Hải Yến	6,50	Sáu phẩy năm
37	Hoàng Thị Liên	7,00	Bảy	77	Đàm Thị Yến	7,00	Bảy
38	Nông Thị Thúy Lưu	7,50	Bảy phẩy năm	78	Trần Thị Bạch Yến	7,00	Bảy
39	Đình Thị Lụa	7,50	Bảy phẩy năm	79	Lương Thị Hải Yến	7,00	Bảy
40	Hà Vũ Mạnh	6,25	Sáu phẩy hai năm				

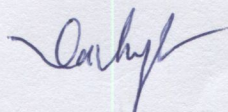
Điểm 5,50: 01 điểm; Điểm 6,00: 02 điểm; Điểm 6,25: 14 điểm; Điểm 6,50: 09 điểm; Điểm 6,75: 05 điểm; Điểm 7,00: 09 điểm; Điểm 7,25: 05 điểm; Điểm 7,50: 15 điểm; Điểm 7,75: 07 điểm; Điểm 8,00: 11 điểm; Điểm 8,25: 02 điểm./.

GHI ĐIỂM

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG







Bé Thị Hương

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa